

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Lương
2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Nguyễn Thế Hòa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số: 54/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; Địa chỉ: Tòa nhà C: Số 19 T, quận K, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q. Đã ủy quyền lại cho bà Võ Thị Kiều N – Chuyên viên Hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q, địa chỉ: Số 01 T, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; là người đại diện theo ủy quyền số 220A/2020/UQ-LienVietpostbank ngày 20/4/2020 từ ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Chi nhánh Q. Bà Võ Thị Kiều N. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Số 50, đường B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nay là phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần B trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020, bổ sung tại bản tự khai và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số: 449/216/KUNN.450 ngày 14/11/2016. Tổng số tiền cấp tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc T là 300.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn*). Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: Mua sắm nội thất gia đình. Thời hạn cho vay là: 60 tháng được tính kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay là ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên. Ngày bên vay nhận tiền vay là ngày 14/11/2016. Thời hạn vay cho đến hết ngày 14/11/2021. Lãi suất cho vay trong hạn là: 11,5%/năm trong 03 tháng đầu tính trên dư nợ giảm dần. Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày (X%/năm) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần mức lãi suất điều chỉnh như sau:

Phương pháp tính lãi: Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc giảm dần và thời gian vay thực tế (kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác. Thời gian tính lãi được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Nếu Bên vay chậm trả gốc hoặc lãi, thì phải trả lãi tiền vay cho Ngân hàng là lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 150%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2016, được chia làm 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 5.000.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là vào ngày 14/11/2021. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 27 hàng tháng bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2016. Nếu bên vay trả lãi chậm, thì phải thanh toán cho Bên cho vay số tiền chậm trả lãi như sau: Số tiền phạt = (Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt quá hạn x Số ngày chậm trả)/360, trong đó: Lãi suất phạt quá hạn = 150% Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi. Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của ông Nguyễn Ngọc T đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ thời điểm tháng 07/2018, dư nợ gốc quá hạn tính đến ngày 22/9/2020 là: 123.056.896 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, ông Nguyễn Ngọc T mới thanh toán được tổng số tiền gốc của khoản vay: 176.943.104 đồng (35 kỳ * 5.000.000 = 175.000.000 đồng và 01 kỳ chỉ mới nộp 1.943.104 đồng; lãi trả 9 kỳ đầy đủ và thêm 4.137 đồng 01 kỳ với tổng số tiền lãi đã trả 27.697.331 đồng. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, ông Nguyễn Ngọc T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết Hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số

449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 với tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 22/9/2020 là: 203.396.932 đồng, trong đó gốc 123.056.896 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 64.607.107 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 15.732.929 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 mà hai bên đã ký kết từ ngày 23/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay ông T không có mặt tại địa phương. Điều đó cũng phù hợp với xác nhận ngày 23/4/2020 của Công an phường H, thành phố Đ về sự việc bị đơn không có mặt tại địa phương. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về việc thụ lý vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi Hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của bị đơn. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 19/5/2020, đến ngày 18/8/2020 Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:*

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do chính đáng. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới:

Căn cứ Điều 35; Điều 39; Điều 40; Điều 147, Điều 227, 228 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Buộc bị đơn Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 10/9/2020 cụ thể: Khoản nợ gốc 123.056.896 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn: 64.607.107 đồng, nợ lãi quá hạn: 15.732.929 đồng. Tổng cộng: 203.396.392 đồng.

Do Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi Hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của bị đơn. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng bên bị đơn vắng mặt. Hiện nay ông T không có mặt tại địa phương theo trả lời của Công an phường H, thành phố Đ ngày 23/4/2020 và Công văn trả lời của Công an thành phố Đ về việc phối hợp trao đổi thông tin của công dân, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh đã trả lời: Ông Nguyễn Ngọc T sinh ngày 20/6/1965 có ĐKKHTT tại số nhà 50, Đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và chưa cắt, chuyển Hộ khẩu đi đâu, Hộ khẩu thường trú số: 549 ông Nguyễn Ngọc T là chủ hộ. Hiện nay ông Nguyễn Ngọc T không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải

được. Tòa án đã niêm yết các văn bản Tổ tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-DS ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 22/9/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định ngày 14/11/2016, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số: 449/216/KUNN.450 ngày 14/11/2016. Tổng số tiền cấp tín dụng cho ông Nguyễn Ngọc T là 300.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn*). Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: Mua sắm nội thất gia đình. Thời hạn cho vay là: 60 tháng được tính kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay là ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên. Ngày bên vay nhận tiền vay là ngày 14/11/2016 thời hạn vay cho đến hết ngày 14/11/2021. Lãi suất cho vay trong hạn là: 11,5%/năm trong 03 tháng đầu tính trên dư nợ giảm dần. Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày (X%/năm) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần mức lãi suất điều chỉnh như sau:

Phương pháp tính lãi: Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc giảm dần và thời gian vay thực tế (kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác. Thời gian tính lãi được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Nếu Bên vay chậm trả gốc hoặc lãi, thì phải trả lãi tiền vay cho Ngân hàng là lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 150%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2016, được chia làm 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 5.000.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là vào ngày 14/11/2021. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 27 hàng tháng bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2016. Nếu bên vay trả lãi chậm, thì phải thanh toán cho bên cho vay số tiền chậm trả lãi như sau: Số tiền phạt = (Số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt quá hạn x Số ngày chậm trả)/360, trong đó: Lãi suất phạt quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi. Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của khách hàng ông Nguyễn Ngọc T đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ thời điểm tháng 07/2018, dư nợ gốc quá hạn tính đến ngày 22/9/2020 là: 123.056.896 đồng. Tính đến ngày 22/9/2020 ông Nguyễn Ngọc T mới thanh toán được tổng số tiền gốc của khoản vay: 176.943.104 đồng (35 kỳ * 5.000.000 = 175.000.000 đồng và 01 kỳ chỉ mới nộp 1.943.104 đồng; lãi trả 9 kỳ đầy đủ và thêm 4.137 đồng 01 kỳ với tổng số tiền lãi đã trả 27.697.331

đồng. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, ông Nguyễn Ngọc T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết Hợp đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số: 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 với tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 22/9/2020 là: 203.396.932 đồng, trong đó gốc 123.056.896 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 64.607.107 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 15.732.929 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số: 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 mà hai bên đã ký kết từ ngày 23/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Xét Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Nguyễn Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc T đã nhận đủ số tiền. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc T mới thanh toán được tổng số tiền gốc của khoản vay: 176.943.104 đồng ($35 \text{ kỳ} \times 5.000.000 = 175.000.000$ đồng và 01 kỳ chỉ mới nộp 1.943.104 đồng; lãi trả 9 kỳ đầy đủ và thêm 4.137 đồng 01 kỳ với tổng số tiền lãi đã trả 27.697.331 đồng. Kể từ tháng 7/2018 đến hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng và ngày 30/11/2018 đến hạn trả nợ lãi định kỳ hàng tháng cho đến nay ông T không thực hiện trả lãi và gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Kể từ khi khoản vay bị chuyển qua nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP B thì tính đến ngày 22/9/2020, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 với tổng số tiền tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 22/9/2020 là: 203.396.932 đồng, trong đó gốc 123.056.896 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 64.607.107 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 15.732.929 đồng. Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số: 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 mà hai bên đã ký kết từ ngày 23/9/2020 cho đến khi trả hết nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 7, 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số: 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 với tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 22/9/2020 là: 203.396.932 đồng (Trong đó gốc: 123.056.896 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 64.607.107 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 15.732.929 đồng).

Kể từ ngày 23/9/2020 Nguyễn Ngọc T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số: 449/2016/HĐTD.450 ngày 14/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số: 449/2016/KUNN.450 ngày 14/11/2016 mà hai bên đã ký cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.169.846 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0006448 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

